

Phụ lục I
TIÊU CHÍ PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO CÁC XÃ - PHƯỜNG

TT	Xã, phường	Xã, phường theo khu vực (1)	Số lượng phòng học tạm, nhờ mượn, cấp 4 xuống cấp cần phải kiên cố hóa	Hệ số	Số lượng phòng học cần đầu tư để thực hiện phổ cập giáo dục, học 2 buổi/ngày	Hệ số	Số lượng phòng học, phòng bộ môn, nhà công vụ giáo viên, khu nội trú cho học sinh, trang thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu	Hệ số	Hệ số xã theo khu vực	Tổng số điểm quy đổi của xã
1	Phường Tân Phong	I	16	1,3	2	1,2	48	1	1	71
2	Phường Đoàn Kết	I	0	1,3	32	1,2	31	1	1	69
3	Xã Than Uyên	I	0	1,3	3	1,2	26	1	1	30
4	Xã Mường Kim	III	17	1,3	5	1,2	44	1	1,2	87
5	Xã Mường Than	II	0	1,3	0	1,2	48	1	1	48
6	Xã Khoen On	III	3	1,3	0	1,2	29	1	1,2	39
7	Xã Tân Uyên	II	8	1,3	0	1,2	61	1	1	71
8	Xã Pắc Ta	III	15	1,3	0	1,2	38	1	1,2	69
9	Xã Nậm Sỏ	III	13	1,3	0	1,2	83	1	1,2	120
10	Xã Mường Khoa	III	11	1,3	0	1,2	74	1	1,2	106
11	Xã Bình Lư	II	7	1,3	3	1,2	101	1	1	114
12	Xã Bản Bo	III	12	1,3	0	1,2	125	1	1,2	169
13	Xã Khun Há	III	15	1,3	2	1,2	105	1	1,2	152
14	Xã Tả Lềng	III	6	1,3	6	1,2	74	1	1,2	107
15	Xã Phong Thổ	III	19	1,3	1	1,2	121	1	1,2	176
16	Xã Sin Suối Hồ	III	19	1,3	2	1,2	53	1	1,2	96
17	Xã Không Lào	III	35	1,3	0	1,2	85	1	1,2	157
18	Xã Đào San	III	15	1,3	0	1,2	47	1	1,2	80
19	Xã Sỉ Lở Lầu	III	15	1,3	6	1,2	124	1	1,2	181
20	Xã Sìn Hồ	III	25	1,3	0	1,2	90	1	1,2	147
21	Xã Hồng Thu	III	22	1,3	8	1,2	58	1	1,2	115

TT	Xã, phường	Xã, phường theo khu vực (1)	Số lượng phòng học tạm, nhờ mượn, cấp 4 xuống cấp cần phải kiên cố hóa	Hệ số	Số lượng phòng học cần đầu tư để thực hiện phổ cập giáo dục, học 2 buổi/ngày	Hệ số	Số lượng phòng học, phòng bộ môn, nhà công vụ giáo viên, khu nội trú cho học sinh, trang thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu	Hệ số	Hệ số xã theo khu vực	Tổng số điểm quy đổi của xã
22	Xã Tủa Sín Chải	III	12	1,3	0	1,2	56	1	1,2	86
23	Xã Pu Sam Cáp	III	20	1,3	0	1,2	52	1	1,2	94
24	Xã Nậm Mạ	III	6	1,3	0	1,2	48	1	1,2	67
25	Xã Nậm Cuối	III	5	1,3	15	1,2	53	1	1,2	93
26	Xã Nậm Tăm	III	7	1,3	4	1,2	41	1	1,2	66
27	Xã Pa Tần	III	12	1,3	0	1,2	40	1	1,2	67
28	Xã Nậm Hàng	III	22	1,3	4	1,2	33	1	1,2	80
29	Xã Lê Lợi	III	16	1,3	0	1,2	53	1	1,2	89
30	Xã Mường Mô	III	10	1,3	0	1,2	41	1	1,2	65
31	Xã Hua Bum	III	0	1,3	0	1,2	78	1	1,2	94
32	Xã Bum Tở	III	8	1,3	0	1,2	64	1	1,2	89
33	Xã Mường Tè	III	15	1,3	0	1,2	36	1	1,2	67
34	Xã Bum Nưa	III	8	1,3	11	1,2	17	1	1,2	49
35	Xã Mù Cà	III	4	1,3	9	1,2	21	1	1,2	44
36	Xã Pa Ủ	III	11	1,3	0	1,2	19	1	1,2	40
37	Xã Tà Tổng	III	12	1,3	0	1,2	39	1	1,2	66
38	Xã Thu Lũm	III	6	1,3	0	1,2	52	1	1,2	72

Phụ lục II
TIÊU CHÍ PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO CÁC XÃ - PHƯỜNG

TT	Xã, phường	Xã, phường theo khu vực	Quy mô đội ngũ (1)	Hệ số	Quy mô người học (2)	Hệ số	Thí điểm mô hình (3)	Hệ số	Hệ số xã theo khu vực	Tổng số điểm quy đổi của xã
1	Phường Tân Phong	I	135	1,3	6.000	1	2	2	1	12350
2	Phường Đoàn Kết	I	115	1,3	4.631	1	2	2	1	9561
3	Xã Than Uyên	I	95	1,3	4.120	1	2	2	1	8486
4	Xã Mường Kim	III	90	1,3	3.343	1	2	2	1,2	8304
5	Xã Mường Than	II	54	1,3	2.276	1	1	1	1	2346
6	Xã Khoen On	III	48	1,3	1.745	1	1	1	1,2	2169
7	Xã Tân Uyên	II	114	1,3	5.091	1	2	2	1	10479
8	Xã Pắc Ta	III	44	1,3	1.918	1	1	1	1,2	2370
9	Xã Nậm Sỏ	III	39	1,3	2.007	1	1	1	1,2	2469
10	Xã Mường Khoa	III	51	1,3	2.209	1	1	1	1,2	2731
11	Xã Bình Lư	II	70	1,3	3.281	1	2	2	1	6744
12	Xã Bản Bo	III	37	1,3	1.634	1	1	1	1,2	2018
13	Xã Khun Há	III	43	1,3	1.843	1	1	1	1,2	2279
14	Xã Tả Lèng	III	58	1,3	2.344	1	1	1	1,2	2904
15	Xã Phong Thổ	III	90	1,3	4.080	1	2	2	1,2	10072
16	Xã Sin Suối Hồ	III	74	1,3	3.042	1	2	2	1,2	7532
17	Xã Không Lào	III	69	1,3	2.811	1	2	2	1,2	6962
18	Xã Đào San	III	61	1,3	3.366	1	2	2	1,2	8268
19	Xã Sìn Hồ	III	61	1,3	2.982	1	2	2	1,2	7347
20	Xã Sìn Hồ	III	67	1,3	2.668	1	2	2	1,2	6613
21	Xã Hồng Thu	III	59	1,3	2.602	1	1	1	1,2	3214
22	Xã Tủa Sín Chải	III	65	1,3	3.052	1	2	2	1,2	7528
23	Xã Pu Sam Cáp	III	50	1,3	2.150	1	2	2	1,2	5315

24	Xã Nậm Mạ	III	25	1,3	1.025	1	1	1	1,2	1269
25	Xã Nậm Cuối	III	41	1,3	1.805	1	1	1	1,2	2229
26	Xã Nậm Tăm	III	51	1,3	2.150	1	2	2	1,2	5318
27	Xã Pa Tần	III	52	1,3	2.088	1	2	2	1,2	5174
28	Xã Nậm Hàng	III	57	1,3	2.445	1	2	2	1,2	6046
29	Xã Lê Lợi	III	52	1,3	2.010	1	2	2	1,2	4987
30	Xã Mường Mô	III	35	1,3	1.583	1	1	1	1,2	1954
31	Xã Hua Bum	III	31	1,3	1.102	1	1	1	1,2	1371
32	Xã Bum Tở	III	58	1,3	2.154	1	2	2	1,2	5350
33	Xã Mường Tè	III	32	1,3	1.142	1	2	2	1,2	2840
34	Xã Bum Nưa	III	36	1,3	1.269	1	1	1	1,2	1579
35	Xã Mù Cả	III	16	1,3	592	1	1	1	1,2	735
36	Xã Pa Ủ	III	38	1,3	1.301	1	1	1	1,2	1621
37	Xã Tà Tổng	III	37	1,3	2.001	1	1	1	1,2	2459
38	Xã Thu Lũm	III	31	1,3	930	1	1	1	1,2	1165

(1) Dự kiến tỷ lệ giáo viên được bồi dưỡng 20%; tỷ lệ cán bộ quản lý giáo dục được bồi dưỡng 70% (các nội dung của Chương trình).

(2) Dự kiến ít nhất 70% học sinh, học viên được thụ hưởng từ Chương trình.

(3) Dự kiến tối thiểu 30% cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên triển khai thí điểm các mô hình của Chương trình.